

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/01/2021.

V/v tranh chấp: “*Xin ly hôn và
tranh chấp nuôi con chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Hồ Thị Ngân**.
2. Ông: **Nguyễn Quốc Tiến**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 399/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Cao Thu T**, sinh năm: 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Ông **Trần Tấn Phi A**, sinh năm: 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Cao Thu T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà T và ông Phi A tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 14/4/2004.

Lý do xin ly hôn: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng gần đây, giữa bà T và ông Phi A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất hòa, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống không còn hạnh phúc, ông Phi A nhiều lần có hành vi bạo lực đối với bà T, cuộc sống vợ chồng hàng ngày không còn quan tâm, yêu thương và chăm lo cho nhau. Bà T và ông Phi A đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không thành và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay thấy rằng cuộc sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phi A.

- Về con chung: Bà T xác nhận giữa bà và ông Phi A quá trình chung sống có 02 người con chung tên Trần Thị Bé H, sinh ngày 23/12/2004 và Trần Hoàng T, sinh ngày 11/7/2013, hiện đang sống cùng với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung và xác nhận đủ điều kiện tự nuôi con, không yêu cầu ông Phi A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác nhận giữa bà và ông Phi A tự thỏa thuận về tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cao Thu T xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với ông Trần Tấn Phi A và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung. Xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, ông Trần Tấn Phi A trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông Phi A thống nhất nội dung trình bày của bà T về vấn đề hôn nhân và mâu thuẫn trong hôn nhân. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được nên ông Phi A đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T.

- Về con chung: Ông Phi A xác nhận giữa ông và bà T chung sống có 02 người con chung tên Trần Thị Bé H, sinh ngày 23/12/2004 và Trần Hoàng T, sinh ngày 11/7/2013, hiện đang sống cùng với bà T. Ông Phi A đồng ý giao 02 người con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và ông Phi A không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phi A xác nhận giữa ông và bà T tự thỏa thuận về tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Tấn Phi A xác định đồng ý ly hôn với bà T và đồng ý giao 02 người con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Cao Thu T khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Tấn Phi A có địa chỉ ở Tổ 9, ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông Phi A tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/4/2004, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng bà do tính tình không hợp, không cùng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất hòa, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Đồng thời, tại phiên tòa ông Phi A cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với bà T.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Cao Thu T.

[3] *Về con chung:* Bà Cao Thu T và ông Trần Tấn Phi A thống nhất xác nhận quá trình chung sống giữa ông bà có 02 người con chung tên Trần Thị Bé H, sinh ngày 23/12/2004 và Trần Hoàng T, sinh ngày 11/7/2013, hiện đang sống cùng với bà T. Bà T và ông Phi A thống nhất đồng ý giao 02 người con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, thỏa thuận này cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Hiền và cháu Thiện là muốn được sống cùng với mẹ. Bà T xác nhận đủ điều kiện tự nuôi con, không yêu cầu ông Phi A cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung:* Bà Cao Thu T và ông Trần Tấn Phi A thống nhất xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Bà Cao Thu T và ông Trần Tấn Phi A thống nhất xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Nguyên đơn bà Cao Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008500 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Cao Thu T đã nộp đủ án phí phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 71, Điều 72, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Cao Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thu T được ly hôn với ông Trần Tấn Phi A.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Bé H, sinh ngày 23/12/2004 và Trần Hoàng T, sinh ngày 11/7/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Phi A cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, nếu bà T gặp khó khăn về kinh tế thì có quyền yêu cầu ông Phi A cấp dưỡng nuôi con chung; hoặc trường hợp bà T không còn đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung thì có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Tấn Phi A được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông Phi A thực hiện các quyền này.

3. Về tài sản chung: Bà Cao Thu T và ông Trần Tấn Phi A thống nhất xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Cao Thu T và ông Trần Tấn Phi A thống nhất xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí : Bà Cao Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008500 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Cao Thu T đã nộp đủ án phí phải nộp.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/01/2021).

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Rạch Giá;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THSDA TP.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh